

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../ 20...

Class: GE7

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 7: UNIT 10 – PARTS AND PERCENTAGES

VOCABULARY 2

A. VOCABULARY

No	New words	Meaning	No	New words	Meaning
1*	carry out (phr.v) /'kæri/	tiến hành, thực hiện	14	beneath (pre) /bi'ni:θ/	ở dưới
2	illustrate (v) /'iləstreit/	minh họa	15	damp (a) /dæmp/	ẩm ướt
3*	peasant (n) /'pezənt/	nông dân	16	release (v) /ri'li:s/	thả, phóng thích
4*	poverty (n) /'pɑ:vərti/	cảnh nghèo nàn	17*	fortune (n) /'fɔ:rtʃu:n/	vận may
5	wealth (n) /welθ/	sự giàu có	18*	bestow (v) on/ upon /bi'stoʊ/	tặng cho, ban cho
6	possession (n) /pə'zefən/	của cải	19	indeed (adv) /in'di:d/	thực vậy, quả thực
7	once upon a time /wʌns ə'pa:n ə taɪm/	ngày xưa ngày xưa	20*	entire (a) /in'taɪə/	toàn bộ, toàn thể
8	creep (v) /kri:p/	bò, trườn, lén vào, đi rón rén	21*	order S.O to do ST (v) /'ɔ:rdə/	ra lệnh cho ai làm gì
9*	guard (n) /gɑ:rd/	người lính	22	tale (n) /teɪl/	câu chuyện

10*	capture (v) /'kæptʃər/	<i>bắt, bắt giữ</i>	23	prove (v) /pru:v/	<i>chứng minh, chứng tỏ</i>
11*	lock S.O away (phr.v) /lɑ:k/	<i>= to put S.O in prison nhốt ai đó vào tù</i>	24*	Republic (n) /rə'pʌblɪk/	<i>Nước Cộng hòa</i>
12	huddle up (v) /'hʌdəl/	<i>nằm co ro/ nằm cuộn tròn</i>	25	fable (n) /'feɪbəl/	<i>truyền thuyết/ truyện ngụ ngôn</i>
13	prison (n) /'prɪzən/	<i>nhà tù</i>			

* Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; a = adjective: tính từ

phr.v = phrasal verb: cụm động từ; pre = preposition: giới từ

* Những từ có ký hiệu * thì có 2 cách đọc.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chính phát âm theo từ điển.

B. TỪ VỰNG MỞ RỘNG

No	New words	Meaning	No	New words	Meaning
1*	associate (n) /ə'sou.ʃi.ət/	<i>liên hiệp, đồng minh</i>	10	piteous (a) /'pi:t.i.əs/	<i>thảm thương, đáng thương</i>
2*	appropriate (a) /ə'proʊ.pri.ət/	<i>thích hợp, thích đáng</i>	11	shovel (n) /'ʃʌv.əl/	<i>cái xẻng/ xúc cái gì đó bằng xẻng</i>
3	preparation (n) /,prepə'reɪʃən/	<i>sự chuẩn bị</i>	12	shovel (v) /'ʃʌv.əl/	<i>xúc cái gì đó bằng xẻng</i>
4	duration (n) /du'reɪʃn/	<i>thời gian, thời lượng</i>	13*	figure out (v) /'fɪgjər/	<i>tính toán, tìm hiểu</i>
5	president (n) /'prezɪdənt/	<i>chủ tịch, tổng thống</i>	14*	cover up (v) /'kʌvər/	<i>che lại, lấp đầy</i>
6	sentence (n) /'sentəns/	<i>bản án</i>	15	come over (v) /kʌm/	<i>đến, thăm, ghé chơi</i>

7	retrieve (v) /rɪ'tri:v/	<i>lấy lại, cứu lại, khôi phục lại cái gì</i>	16*	astonished (a) /ə'sta:nɪʃt/	<i>ngạc nhiên, kinh ngạc</i>
8	well (n) /wel/	<i>cái giếng</i>	17	edge (n) /edʒ/	<i>bờ, gờ, cạnh (giếng, hồ...)</i>
9*	trot off (phr.v) /tra:t/	<i>thoát ra ngoài</i>	18	incident (n) /'ɪnsɪdənt/	<i>sự cố, việc tình cờ xảy ra</i>

* Note: n = noun: danh từ;

v = verb: động từ;

a = adjective: tính từ

phr.v = phrasal verb: cụm động từ

* Những từ có ký hiệu * thì có 2 cách đọc.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

C. HOMEWORK

*Note: DO NOT apply short forms (contractions) in sentences. Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Circling the word having different stress from others

0 (A) proportion

B. illustrate

C. generous

D. poverty

1. A. prison

B. fable

C. country

D. beneath

2. A. approximate

B. mathematics

C. associate

D. appropriate

3. A. release

B. capture

C. huddle

D. ratio

4. A. preparation

B. invitation

C. duration

D. information

5. A. culture

B. reply

C. minus

D. fraction

6. A. Republic

B. astonished

C. possession

D. numeral

II. Fill in the blanks with the given words in the box

prison	damp	peasant	poverty
entire	captured	Republic	subtract

0. He has been put in prison for five years.
1. More than 1.5 million Americans fell into _____ last year.
2. He was born into a _____ family whose main job is farming.
3. Mary McAleese has been the President of the _____ of Ireland since 1997.
4. He read the _____ book on the flight to Buenos Aires.
5. The cottage was cold and _____.
6. The animals are _____ in nets and sold to local zoos.
7. If you _____ 6 from 9, you get 3.

III. Choose the correct answer by circling A, B or C

0. Someone was _____ around outside my window.
 (A) *creeping* B. *huddling up* C. *swimming*
1. After the murder, he was _____ away for 40 years.
 A. put B. taken C. locked
2. The hospital is _____ out tests to find out what's wrong with her.
 A. finding B. carrying C. going
3. Mark is _____ some sums in his homework
 A. doing B. solving C. making
4. They ordered him _____ the room.
 A. to leave B. leaving C. to leaving
5. He _____ from prison after serving two years of a five-year sentence.
 A. released B. have been released C. was released
6. The train's approximate time of arrival _____ 10.30.
 A. is B. are C. will be
7. I certainly don't have anything _____ - my record speaks for itself.
 A. proving B. to prove C. prove

IV. Read the story below and answer the questions

THE PEASANT, THE DONKEY AND THE DRY WELL

One day a peasant's donkey fell down into a well. The animal cried piteously for hours as the peasant tried to figure out what to do. Finally, he decided the animal was old, and the well needed to be covered up anyway; it just wasn't worth it to retrieve the donkey. He invited all his neighbors to come over and help him. They all grabbed a shovel and began to shovel dirt into the well. At first, the donkey realized what was happening and cried horribly. Then, to everyone's amazement, he quieted down. A few shovels load later, the peasant finally looked down the well. He was astonished at what he saw. With each shovel of dirt that hit his back, the donkey was doing something amazing. He would shake it off and take a step up. As the peasant's neighbors continued to shovel dirt on top of the animal, he would shake it off and take a step up. Pretty soon, everyone was amazed as the donkey stepped up over the edge of the well and happily trotted off!

0. *What happened with the peasant's donkey?*

⇒ _____ *It fell down into a well* _____ .

1. What did the animal do when the peasant tried to figure out what to do?

⇒ _____ .

2. At first, did the peasant decide to retrieve the donkey?

⇒ _____ .

3. What did the neighbors do to help the peasant?

⇒ _____ .

4. How was the donkey when it understood what was happening?

⇒ _____ .

5. What did the donkey do with each shovel of dirt that hit his back?

⇒ _____ .

6. At last, why was everyone amazed?

⇒ _____ .

V. Match column A with the correct definitions in column B

A	B
0. fable	a. a traditional short story that teaches a moral lesson, especially one with animals as characters
1. peasant	b. to take someone as a prisoner
2. creep	c. a large amount of money or valuable possessions that someone has
3. capture	d. a story created using the imagination, especially one that is full of action and adventure
4. wealth	e. a farmer who owns or rents a small piece of land
5. tale	f. to move slowly, quietly and carefully

0 - a	1 -	2 -	3 -	4 -	5 -
-------	-----	-----	-----	-----	-----

VI. Fill in the blanks with the given article in the box

in	on	at	upon	to	away
---------------	----	----	------	----	------

- I'm very interested in history.
- It was a title bestowed _____ him by the king.
- I hope they lock him _____ for years.
- The movie is based _____ a real-life incident.
- Linda is good _____ Math, she always finishes first.
- You must be able _____ speak French for this job.

VII. Circling A, B or C to show the underline parts that need correction and correct them

0. Twice upon a time, there was a beautiful princess. → Once

(A) B C
1. Here's an example to illustrating what I mean. →

A B C

2. Three fifth expressed as a decimal is 0.6. → _____
A B C
3. We usually puts a comma after thousands in numbers. → _____
A B C
4. Huge sums have been invested on this project. → _____
A B C
5. He spent the entire afternoon to watch a football match. → _____
A B C

PET 8 – TEST 2 – PART 2

Con làm bài nghe theo link sau: <https://youtu.be/a4zhtSi6aD4> (từ 18:16 đến 23:07)

Listening

Part 3

Questions 14–19

You will hear an announcement about a train trip through a desert.
For each question, fill in the missing information in the numbered space.

Desert Train Trip
The time the trip takes is (14)
In the past, Oldsville had an important (15) industry.
Passengers can see pretty (16) close to the train.
There are some attractive (17) to see under an old bridge.
In a small store on the train, (18) are on sale.
Today, refreshments will be for sale in a (19) instead of from a machine.

31